

TRẦN THỊ DIÊN (CHỦ BIÊN), NGUYỄN THỊ BẮC

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1



NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

THS. TRẦN THỊ DIÊN (CHỦ BIÊN), THS. NGUYỄN THỊ BÁC

KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1

(Dùng cho chuyên ngành Kế toán, hệ đào tạo đại học)

NHÀ XUẤT BẢN ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

NĂM 2019

MÃ SỐ: $\frac{02 - 110}{ĐHTN - 2019}$

MỤC LỤC

| | |
|---|----|
| LỜI NÓI ĐẦU | 7 |
| DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT | 8 |
| CHƯƠNG 1. TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP | 9 |
| 1.1. Vai trò, nhiệm vụ kế toán tài chính trong doanh nghiệp | 9 |
| 1.1.1. Vai trò kế toán tài chính trong công tác quản lý kinh tế | 9 |
| 1.1.2. Nội dung và yêu cầu của kế toán tài chính | 10 |
| 1.1.3. Nhiệm vụ kế toán tài chính doanh nghiệp | 11 |
| 1.2. Một số nguyên tắc kế toán tài chính | 12 |
| 1.3. Tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp | 13 |
| 1.3.1. Tổ chức vận dụng chứng từ kế toán | 13 |
| 1.3.2. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán | 17 |
| 1.3.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán, hình thức kế toán | 28 |
| 1.3.4. Tổ chức bộ máy kế toán | 37 |
| 1.3.5. Tổ chức công tác kiểm tra kế toán | 38 |
| 1.3.6. Tổ chức lập và phân tích báo cáo tài chính | 40 |
| Câu hỏi chương 1 | 41 |
| CHƯƠNG 2. KẾ TOÁN VỐN BẰNG TIỀN, ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN KINH DOANH, CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ ỨNG TRƯỚC | 42 |
| 2.1. Nhiệm vụ của kế toán vốn bằng tiền, đầu tư chứng khoán kinh doanh, các khoản phải thu và ứng trước | 42 |
| 2.2. Kế toán vốn bằng tiền | 43 |
| 2.2.1. Kế toán tiền mặt | 43 |
| 2.2.2. Kế toán tiền gửi ngân hàng | 52 |
| 2.2.3. Kế toán tiền đang chuyển | 59 |

| | |
|---|-----------|
| 2.3. Kế toán chứng khoán kinh doanh và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn..... | 61 |
| 2.3.1. Kế toán chứng khoán kinh doanh..... | 61 |
| 2.3.2. Kế toán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn..... | 65 |
| 2.4. Kế toán các khoản phải thu..... | 69 |
| 2.4.1. Kế toán phải thu của khách hàng..... | 69 |
| 2.4.2. Kế toán thuế giá trị gia tăng được khấu trừ..... | 73 |
| 2.4.3. Kế toán phải thu nội bộ..... | 77 |
| 2.4.4. Kế toán các khoản phải thu khác..... | 82 |
| 2.5. Kế toán tạm ứng..... | 87 |
| Câu hỏi và bài tập chương 2..... | 89 |
| CHƯƠNG 3. KẾ TOÁN VẬT TƯ..... | 98 |
| 3.1. Nhiệm vụ kế toán các loại vật tư..... | 98 |
| 3.2. Phân loại vật tư..... | 98 |
| 3.3. Đánh giá vật tư..... | 99 |
| 3.3.1. Phân biệt kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kì..... | 99 |
| 3.3.2. Nguyên tắc đánh giá vật tư..... | 101 |
| 3.3.3. Phương pháp tính giá trị vật tư..... | 102 |
| 3.4. Hạch toán chi tiết vật tư..... | 105 |
| 3.4.1. Chứng từ kế toán..... | 105 |
| 3.4.2. Sổ kế toán chi tiết..... | 106 |
| 3.4.3. Các phương pháp hạch toán chi tiết..... | 106 |
| 3.5. Kế toán tổng hợp vật tư theo phương pháp kê khai thường xuyên..... | 109 |
| 3.5.1. Nội dung, kết cấu tài khoản sử dụng..... | 109 |
| 3.5.2. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu..... | 111 |
| 3.6. Kế toán tổng hợp vật tư theo phương pháp kiểm kê định kỳ..... | 121 |
| 3.6.1. Quy định hạch toán:..... | 121 |

| | |
|--|------------|
| 3.6.2. Nội dung, kết cấu tài khoản sử dụng | 122 |
| 3.6.3. Phương pháp hạch toán các nghiệp vụ chủ yếu | 123 |
| 3.7. Kế toán một số trường hợp khác về vật tư | 126 |
| 3.7.1. Kế toán vật tư thuê ngoài gia công hoặc tự chế biến | 126 |
| 3.7.2. Kế toán chênh lệch vật tư khi kiểm kê | 127 |
| 3.7.3. Kế toán đánh giá lại vật liệu, công cụ dụng cụ | 129 |
| 3.7.4. Kế toán dự phòng giảm giá vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho | 129 |
| Câu hỏi và bài tập chương 3 | 132 |
| CHƯƠNG 4. KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ, GÓP VỐN | 146 |
| 4.1. Nhiệm vụ kế toán tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn | 146 |
| 4.1.1. Tài sản cố định và các khoản đầu tư dài hạn | 146 |
| 4.1.2. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán tài sản cố định và đầu tư dài hạn | 148 |
| 4.2. Kế toán tài sản cố định | 149 |
| 4.2.1. Phân loại, đánh giá tài sản cố định | 149 |
| 4.2.2. Kế toán chi tiết tài sản cố định | 156 |
| 4.2.3. Kế toán tổng hợp tăng tài sản cố định | 157 |
| 4.2.4. Kế toán tổng hợp giảm tài sản cố định | 162 |
| 4.2.5. Kế toán khấu hao tài sản cố định | 168 |
| 4.2.6. Kế toán sửa chữa tài sản cố định | 172 |
| 4.2.7. Kế toán đi thuê tài sản cố định | 175 |
| 4.2.8. Kế toán cho thuê tài sản cố định | 179 |
| 4.2.9. Kế toán nghiệp vụ kiểm kê, đánh giá lại tài sản cố định | 181 |
| 4.3. Kế toán các khoản đầu tư góp vốn | 184 |
| 4.3.1. Kế toán bất động sản đầu tư | 184 |
| 4.3.2. Kế toán khoản đầu tư vào công ty con | 189 |

| | |
|--|------------|
| 4.3.3. Kế toán khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 193 |
| 4.3.4. Kế toán đầu tư khác..... | 197 |
| 4.4. Kế toán đầu tư xây dựng cơ bản | 199 |
| 4.5. Kế toán dự phòng tổn thất tài sản..... | 202 |
| 4.6. Kế toán tài sản thuế thu nhập hoãn lại..... | 209 |
| 4.7. Kế toán cầm cố, thế chấp, kí quỹ, kí cược..... | 210 |
| Câu hỏi và bài tập chương 4..... | 213 |
| TÀI LIỆU THAM KHẢO | 229 |

LỜI NÓI ĐẦU

Những năm gần đây, hệ thống kế toán Việt Nam không ngừng được hoàn thiện, phát triển phù hợp với nền kinh tế thị trường và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế. Nhằm đáp ứng kịp thời sự chuyển biến của nền kinh tế và những thay đổi của hệ thống kế toán, tập thể giảng viên Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh - Trường Đại học Tân Trào đã biên soạn cuốn sách “Kế toán tài chính 1” để phục vụ giảng viên và sinh viên tham khảo, sử dụng cho dạy và học trong chuyên ngành Kế toán, hệ đào tạo đại học. Trong quá trình biên soạn, các tác giả đã cập nhật những quy định pháp lý mới nhất về kế toán như: Thông tư 200/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp; Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam; Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, ban hành theo Thông tư số 45/2013/TT – BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính; Luật Thuế Giá trị gia tăng và Quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định về thuế, ban hành theo nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ; Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Xuất phát từ nhu cầu sử dụng tài liệu cho giảng dạy và học tập học phần Kế toán tài chính 1, nhóm tác giả biên soạn cuốn sách gồm các nội dung lý thuyết và bài tập thuộc các phần hành kế toán: kế toán vốn bằng tiền; đầu tư chứng khoán kinh doanh; các khoản phải thu và ứng trước; kế toán các loại vật tư; kế toán tài sản cố định và các khoản đầu tư, góp vốn của doanh nghiệp. Trong từng phần hành kế toán, nhóm tác giả biên soạn các quy định hạch toán; nội dung, kết cấu tài khoản sử dụng; phương pháp kế toán các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu, đồng thời biên soạn hệ thống câu hỏi, bài tập theo từng phần hành kế toán, giúp người học vận dụng lý thuyết để giải quyết các câu hỏi, bài tập thực hành có liên quan.

Trong quá trình biên soạn không tránh khỏi các thiếu sót, tập thể tác giả rất mong nhận được các ý kiến đóng góp để cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Chúng tôi trân trọng cảm ơn!

Các tác giả

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

| Từ viết tắt | Nghĩa tiếng Việt |
|-------------|-----------------------|
| BĐSDT | Bất động sản đầu tư |
| BCTC | Báo cáo tài chính |
| BQLDA | Ban quản lý dự án |
| CCDC | Công cụ dụng cụ |
| DN | Doanh nghiệp |
| DNSX | Doanh nghiệp sản xuất |
| ĐG | Đơn giá |
| ĐVT | Đơn vị tính |
| GTCL | Giá trị còn lại |
| GTGT | Giá trị gia tăng |
| HĐTC | Hoạt động tài chính |
| HTK | Hàng tồn kho |
| KKĐK | Kiểm kê định kỳ |
| KKTX | Kê khai thường xuyên |
| NG | Nguyên giá |
| NV | Nghiệp vụ |
| NVL | Nguyên vật liệu |
| QLDN | Quản lý doanh nghiệp |
| SL | Số lượng |
| PNK | Phiếu nhập kho |
| PP | Phương pháp |
| PXK | Phiếu xuất kho |
| SP | Sản phẩm |
| SX | Sản xuất |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| TGNH | Tiền gửi ngân hàng |
| TK | Tài khoản |
| TM | Tiền mặt |
| TSCĐ | Tài sản cố định |
| VND | Đồng Việt Nam |
| XDCB | Xây dựng cơ bản |

CHƯƠNG 1

TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN TÀI CHÍNH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Vai trò, nhiệm vụ kế toán tài chính trong doanh nghiệp

1.1.1. Vai trò kế toán tài chính trong công tác quản lý kinh tế

* Luật kế toán quy định: “*Kế toán là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính dưới hình thức giá trị, hiện vật và thời gian lao động*”(Khoản 8, điều 3, Luật Kế toán số 88/2015/QH13).

Từ khái niệm trên cho ta thấy được những nhận thức, quan niệm về kế toán ở những phạm vi, góc độ khác nhau nhưng đều gắn với việc phục vụ cho công tác quản lý, do vậy kế toán là công cụ không thể thiếu trong hệ thống công cụ quản lý kinh tế. Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý và cung cấp toàn bộ thông tin về tài sản và sự vận động của tài sản, các hoạt động kinh tế, tài chính trong đơn vị, nhằm kiểm tra, giám sát toàn bộ hoạt động kinh tế, tài chính của đơn vị.

Tùy theo tiêu thức phân loại mà kế toán được chia thành các loại khác nhau. Để hiểu hơn về kế toán tài chính, chúng ta phân biệt kế toán tài chính và kế toán quản trị:

- *Kế toán tài chính* là việc thu thập, xử lý, kiểm tra, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính bằng báo cáo tài chính cho đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin của đơn vị kế toán.

- *Kế toán quản trị* là việc thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính theo yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính trong nội bộ đơn vị kế toán.

Sản phẩm cuối cùng của kế toán tài chính là hệ thống báo cáo tài chính, trong đó chứa đựng những thông tin cần thiết để những người sử dụng thông tin đưa ra được các quyết định phù hợp liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp.